# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

| | |
|---|---|
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 14/2013/TT-BNNPTNT | *Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013* |

**THÔNG TƯ**
**Quy định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001;

Căn cứ Điều lệ về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

### Chương I
### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói (sau đây gọi chung là sản xuất) và kinh doanh (buôn bán) thuốc bảo vệ thực vật.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (trừ tổ chức, cá nhân chỉ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật sinh học có hoạt chất là các vi sinh vật có ích) trên lãnh thổ Việt Nam.

## Chương II
## ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

**Điều 3. Điều kiện về nhà xưởng, kho chứa**

1. Địa điểm

a) Nhà xưởng và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật được bố trí trong khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định của khu công nghiệp.

b) Trong trường hợp địa điểm nằm ngoài khu công nghiệp:

Vị trí đặt nhà xưởng và kho chứa phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương cấp xã trở lên; cách xa trường học, công sở, bệnh viện, chợ tối thiểu 200 mét (m); đảm bảo các yêu cầu về cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước, xử lý ô nhiễm và giao thông.

Nhà xưởng và kho chứa có tường bao ngăn cách với bên ngoài. Hệ thống đường giao thông nội bộ được bố trí đảm bảo an toàn cho vận chuyển và chữa cháy.

2. Bố trí mặt bằng, kết cấu và bố trí kiến trúc công trình nhà xưởng, kho chứa

a) Khu nhà xưởng sản xuất và kho chứa phải tách rời nhau.

b) Nhà xưởng

Nhà xưởng đạt tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4604/1988: Xí nghiệp công nghiệp, nhà sản xuất - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN: 2622/1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

c) Kho chứa

Kho chứa có khu thành phẩm và khu nguyên liệu riêng biệt.

Kho chứa nguyên liệu được bố trí tùy thuộc vào loại nguyên liệu cần được bảo quản, phân loại theo nguy cơ nổ, cháy nổ, cháy và bảo đảm tách riêng các chất có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau.

Kho chứa thành phẩm phải bố trí, sắp xếp gọn gàng, hợp lý. Hàng hóa được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 centimét (cm), cách tường ít nhất 20 centimét (cm). Lối đi chính rộng tối thiểu 1,5 mét (m), thuận tiện cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra, giám sát.

d) Vật liệu xây dựng nhà xưởng, kho chứa là vật liệu không bắt lửa, khó cháy; khung nhà được xây bằng gạch, làm bằng bê tông hoặc thép. Sàn được làm bằng vật liệu không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt, không có khe nứt và có các gờ hay lề bao quanh.

đ) Nhà xưởng, kho chứa phải có lối thoát hiểm, được chỉ dẫn rõ ràng (bằng bảng hiệu, sơ đồ) và dễ mở khi xảy ra sự cố.

**Điều 4. Điều kiện về trang thiết bị**

1. Thiết bị sản xuất

a) Có dây chuyền, công nghệ sản xuất đảm bảo chủng loại, chất lượng thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở sản xuất ra.

b) Thiết bị được bố trí, lắp đặt phù hợp với từng công đoạn sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn lao động theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2290 - 1978 Thiết bị sản xuất - Yêu cầu chung về an toàn.

c) Thiết bị có hướng dẫn vận hành, được kiểm tra các thông số kỹ thuật, được bảo trì bảo dưỡng, có quy trình vệ sinh công nghiệp.

d) Phương tiện chiếu sáng và thiết bị điện khác được lắp đặt tại vị trí cần thiết, không được phép lắp đặt tạm thời. Mọi trang thiết bị điện phải có bộ ngắt mạch khi rò điện, chống quá tải.

2. Hệ thống xử lý khí thải và chất thải

a) Nhà xưởng có hệ thống xử lý khí thải, kho chứa có hệ thống thông gió. Khí thải của nhà xưởng, kho chứa phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b) Nhà xưởng có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại và QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Xử lý chất thải rắn của nhà xưởng, kho chứa tuân thủ các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Nhà xưởng, kho chứa có dụng cụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn ra khỏi khu vực sản xuất sau mỗi ca sản xuất, nơi chứa chất thải kín, cách biệt với khu sản xuất.

**Điều 5. Điều kiện về vận hành an toàn**

1. Cơ sở sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn hóa chất theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507 - 2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

2. Cơ sở sản xuất có nội quy an toàn lao động, có khu vực riêng biệt để thay đồ, tắm rửa cho công nhân trước và sau ca sản xuất.

3. Cơ sở sản xuất phải xây dựng bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó.

4. Cơ sở sản xuất có trang bị và sử dụng trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động (găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt, quần áo bảo hộ) khi tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật. Có dụng cụ, thuốc y tế, trang thiết bị cấp cứu.

5. Việc vận hành tại kho chứa phải đảm bảo tính an toàn, phòng tránh các nguy cơ có thể xảy ra như cháy, rò rỉ, chảy tràn. Đối với kho chứa có nguyên liệu: nhân viên phụ trách kho phải tuân thủ các chỉ dẫn trong phiếu an toàn hóa chất của tất cả các hóa chất được lưu trữ, các hướng dẫn về công tác an toàn, công tác vệ sinh, các hướng dẫn khi có sự cố.

**Điều 6. Điều kiện về phòng, chống cháy nổ**

1. Cơ sở sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phòng, chống cháy nổ theo Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Cơ sở sản xuất trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố tại cơ sở, hệ thống báo cháy, dập cháy được lắp đặt tại vị trí thích hợp và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm ở tình trạng sẵn sàng sử dụng tốt.

3. Cơ sở sản xuất có nội quy phòng cháy chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy, biển hiệu "Cấm lửa" để ở nơi dễ nhìn thấy.

**Điều 7. Điều kiện về nhân lực**

1. Người trực tiếp điều hành cơ sở sản xuất phải có Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp.

2. Lãnh đạo, người quản lý các bộ phận liên quan trực tiếp đến sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, người trực tiếp sản xuất, buôn bán, vận chuyển, cất giữ, bảo quản được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.

3. Lãnh đạo, nhân viên kỹ thuật và thủ kho được huấn luyện và nắm vững các quy định về quản lý hoạt động hóa chất; phòng cháy, chữa cháy; khoảng cách an toàn; thực hiện biện pháp, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

4. Người lao động được đào tạo và tập huấn về quy trình sản xuất, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, xử lý sự cố đối với thuốc bảo vệ thực vật.

**Điều 8. Hệ thống quản lý chất lượng**

1. Có hệ thống quản lý chất lượng.

2. Có quy trình công nghệ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được phê duyệt bởi chủ cơ sở sản xuất.

3. Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Phòng thử nghiệm phải được tách biệt với khu vực sản xuất, có đầy đủ trang thiết bị tối thiểu dùng cho việc kiểm tra chất luợng thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở.

4. Trong trường hợp cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm thì phải có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm có đủ năng lực kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật mà cơ sở sản xuất và có hồ sơ lưu kết quả kiểm tra đối với từng lô sản phẩm trước khi xuất xưởng.

5. Mẫu kiểm tra chất lượng của lô hàng được lưu tối thiểu 03 (ba) tháng.

**Điều 9. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

1. Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 hoặc tương đương để bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm.

2. Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật có báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## Chương III
## ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

**Điều 10. Điều kiện chung**

1. Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

2. Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác.

3. Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

**Điều 11. Điều kiện cụ thể**

1. Nhân sự

a) Người quản lý trực tiếp của cửa hàng phải có chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp.

b) Người trực tiếp bán hàng được huấn luyện về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật cấp tỉnh tổ chức hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, sư phạm nông nghiệp trở lên.

2. Địa điểm

a) Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương cấp xã, có địa chỉ rõ ràng, ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở hoặc có hợp đồng thuê nhà hợp pháp tối thiểu là 01 (một) năm trong trường hợp thuê địa điểm đặt cửa hàng.

b) Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh, tối thiểu là 5 mét vuông ($m^2$). Phải là nhà cấp 4 trở lên, bố trí ở nơi cao ráo, sạch sẽ, thoáng gió, đáp ứng các yêu cầu về mua, bán, bảo quản, không ảnh hưởng đến chất lượng thuốc bảo vệ thực vật.

c) Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch) ít nhất khoảng 10 mét (m) và cửa hàng phải được gia cố bờ kè chắc chắn chống sạt lở, nền cửa hàng phải cao ráo không ngập nước.

d) Tường và mái phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa. Tường nhà và nền nhà phải bằng phẳng, chống thấm, dễ lau chùi, không bị ngập.

3. Trang thiết bị

a) Có tủ trưng bày, quầy, kệ hoặc giá đựng thuốc bảo vệ thực vật, trang thiết bị bảo quản thuốc theo đúng yêu cầu bảo quản ghi trên nhãn thuốc.

b) Đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ.

c) Có nội quy và trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

d) Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng.

đ) Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.

4. Yêu cầu khác

a) Có biển hiệu rõ ràng bằng tiếng Việt. Ghi rõ tên chủ cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại.

b) Có sổ ghi chép việc xuất, nhập thuốc bảo vệ thực vật.

c) Có bảng niêm yết giá bán thuốc bảo vệ thực vật.

5. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng

a) Đối với các cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật từ 5.000 kilôgam (kg) trở lên áp dụng theo khoản 2, Điều 3 và khoản 2, Điều 9 của Thông tư này.

b) Đối với các cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật dưới 5.000 kilôgam (kg)

Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật phải khô ráo, thoáng gió, không thấm, dột hoặc ngập úng, đảm bảo phòng chống cháy nổ.

Kệ giá để hàng cách mặt đất ít nhất 10 centimét (cm), cách tường ít nhất 20 centimét (cm).

Việc sắp xếp các loại thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo không gây đổ vỡ, rò rỉ, có lối vào đủ rộng và riêng biệt từng loại.

## Chương IV
## THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

**Điều 12. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

1. Cục Bảo vệ thực vật cấp, gia hạn, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

2. Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp, gia hạn, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với các cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương quản lý.

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật là 05 (năm) năm.

4. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Phụ lục VI và VII ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 13. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

1. Nộp hồ sơ

a) Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cục Bảo vệ thực vật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản giấy và 01 file điện tử định dạng PDF.

c) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy

đủ thì Cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

c) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật cho người trực tiếp điều hành cơ sở sản xuất.

d) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng (nếu có).

đ) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

e) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực phương án chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy được cơ quan công an phòng cháy chữa cháy cấp quận, huyện phê duyệt.

g) Tờ khai về điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

a) Cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

b) Thành lập đoàn đánh giá

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Bảo vệ thực vật ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế. Đoàn đánh giá gồm 3 - 5 thành viên có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm về lĩnh vực đánh giá và đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành.

Thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Thông báo nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần đoàn và phạm vi đánh giá.

c) Nội dung đánh giá

Sự phù hợp của cơ sở với các điều kiện quy định tại Chương II của Thông tư này.

d) Phương pháp đánh giá:

Phỏng vấn trực tiếp người phụ trách, nhân viên của cơ sở về những thông tin có liên quan;

Xem xét hồ sơ lưu trữ, các tài liệu có liên quan của cơ sở;

Quan sát thực tế việc bố trí mặt bằng, điều kiện môi trường, tình trạng thiết bị, các tiện nghi khác của cơ sở;

đ) Kết quả đánh giá

Các điều kiện chưa phù hợp với quy định tại Chương II của Thông tư này phát hiện trong quá trình đánh giá phải được đưa vào Biên bản đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản đánh giá được ghi đầy đủ các nội dung và có chữ ký xác nhận của đại diện cơ sở và trưởng đoàn đánh giá.

Trong trường hợp đại diện cơ sở không đồng ý với kết quả đánh giá của đoàn, đại diện của cơ sở có quyền ghi kiến nghị của mình vào cuối biên bản trước khi ký tên và đóng dấu xác nhận. Biên bản đánh giá vẫn có giá trị pháp lý trong trường hợp đại diện cơ sở không ký tên vào biên bản.

e) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

Cục Bảo vệ thực vật xem xét kết quả đánh giá trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá:

Nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt, yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết), nếu hợp lệ thì Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, Cục Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 14. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

1. Nộp hồ sơ

a) Cơ sở buôn bán nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

c) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Chi cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp.

c) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của chủ cơ sở.

d) Tờ khai về điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc từ 5000kg trở lên).

3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

a) Chi cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

b) Thành lập đoàn đánh giá

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Chi cục Bảo vệ thực vật ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế. Đoàn đánh giá gồm 2 - 3 thành viên có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm về lĩnh vực đánh giá và đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành.

Thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Thông báo nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần đoàn và phạm vi đánh giá.

c) Nội dung đánh giá

Sự phù hợp của cơ sở với các điều kiện quy định tại Chương III của Thông tư này.

d) Phương pháp đánh giá:

Phỏng vấn trực tiếp người phụ trách, nhân viên của cơ sở về những thông tin có liên quan;

Xem xét hồ sơ lưu trữ, các tài liệu có liên quan của cơ sở;

Quan sát thực tế việc bố trí mặt bằng, điều kiện môi trường, tình trạng thiết bị, các tiện nghi khác của cơ sở.

đ) Kết quả đánh giá

Các điều kiện chưa phù hợp với quy định tại Chương III của Thông tư này phát hiện trong quá trình đánh giá phải được đưa vào Biên bản đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản đánh giá được ghi đầy đủ các nội dung và có chữ ký xác nhận của đại diện cơ sở và trưởng đoàn đánh giá.

Trong trường hợp đại diện cơ sở không đồng ý với kết quả đánh giá của đoàn, đại diện của cơ sở có quyền ghi kiến nghị của mình vào cuối biên bản trước khi ký tên và đóng dấu xác nhận. Biên bản đánh giá vẫn có giá trị pháp lý trong trường hợp đại diện cơ sở không ký tên vào biên bản.

e) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Chi cục Bảo vệ thực vật xem xét kết quả đánh giá trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá:

Nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt, yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết), nếu hợp lệ thì Chi cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 15. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

1. Nộp hồ sơ

a) Trước 03 (ba) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, cơ sở sản xuất nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cục Bảo vệ thực vật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản giấy và 01 file điện tử định dạng PDF.

c) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy

đủ thì Cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật (nếu có thay đổi).

c) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật cho người trực tiếp điều hành sản xuất (nếu có thay đổi).

d) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực phương án phòng cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy được cơ quan công an có thẩm quyền phê duyệt (nếu có thay đổi).

đ) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

e) Tờ khai về điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

g) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Biểu mẫu hoặc Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật của các cơ quan chức năng theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có).

3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

Cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

a) Nếu hồ sơ hợp lệ thì làm thủ tục theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e, khoản 3, Điều 13 của Thông tư này.

Trong trường hợp cơ sở có các kết quả kiểm tra định kỳ theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt Loại A trong vòng 01 (một) năm tính đến thời điểm gia hạn, thì Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, không thành lập đoàn đánh giá thực địa.

b) Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

**Điều 16. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

1. Nộp hồ sơ

a) Trước 03 (ba) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, cơ sở buôn bán nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Chi cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (nếu có thay đổi).

c) Bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của chủ cơ sở (nếu có thay đổi).

d) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

đ) Tờ khai về điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Bản sao chứng thực Biểu mẫu hoặc Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của các cơ quan chức năng theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có).

3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Chi cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

a) Nếu hồ sơ hợp lệ thì làm thủ tục theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e, khoản 3, Điều 14 của Thông tư này

Trong trường hợp cơ sở có các kết quả kiểm tra định kỳ theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt Loại A trong vòng 01 (một) năm tính đến thời điểm gia hạn, thì Chi cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, không thành lập đoàn đánh giá thực địa.

b) Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

**Điều 17. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

1. Các trường hợp cấp lại

a) Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc.

b) Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng.

c) Khi phát hiện có sai sót hoặc thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận.

Các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này, khi cấp lại phải thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

2. Nộp hồ sơ

a) Cơ sở sản xuất, buôn bán đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

c) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ đầy đủ thì cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Thông tư này tiếp nhận hồ sơ, nếu không đầy đủ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Giấy chứng nhận đã được cấp (đối với trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1, Điều này).

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Cơ quan có thẩm quyền xem xét, đối chiếu với hồ sơ lưu trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

a) Nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục VI hoặc Phụ lục VII của Thông tư này. Số, ngày cấp và thời hạn hiệu lực theo bản Giấy chứng nhận gốc và ghi rõ bản sao.

b) Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

c) Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 18. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp**

a) Cơ sở không còn đáp ứng các điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

b) Cơ sở bị giải thể hoặc không còn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

c) Cơ sở có hành vi vi phạm mà pháp luật quy định phải thu hồi.

**Điều 19. Phí, lệ phí**

Việc thu phí, lệ phí chứng nhận cơ sở đủ điều sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## Chương V
## QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

**Điều 20. Quyền và trách nhiệm của cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

1. Quyền của cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: Được quyền khiếu nại khi không đồng ý với kết luận trong biên bản đánh giá.

2. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

a) Đăng ký làm thủ tục cấp, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và chấp hành theo đúng các quy định tại Thông tư này.

b) Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ có liên quan và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan đánh giá thực hiện nhiệm vụ.

c) Thường xuyên duy trì, đảm bảo các điều kiện trong sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã được chứng nhận.

d) Nghiêm túc sửa chữa các sai sót đã nêu trong Biên bản đánh giá của cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

đ) Tham gia các lớp tập huấn về sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ thực vật tổ chức

e) Nộp phí, lệ phí theo quy định.

**Điều 21. Quyền và trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật có quyền hạn sau:

a) Giám sát và yêu cầu cơ sở khắc phục những thiếu sót về điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

b) Yêu cầu cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đánh giá việc chấp hành các quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan về sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

1. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo đúng các quy định tại Thông tư này.

b) Thành lập đoàn đánh giá.

c) Bảo đảm khách quan và công bằng trong hoạt động đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Xử lý vi phạm, giải quyết các khiếu nại tố cáo theo quy định của pháp luật.

**Điều 22. Quyền và trách nhiệm của Đoàn đánh giá**

1. Đánh giá, xem xét sự phù hợp của cơ sở so với quy định tại Chương II (đối với cơ sở sản xuất), Chương III (đối với cơ sở buôn bán) của Thông tư này.

2. Đảm bảo tính khách quan trong việc kiểm tra, đánh giá.

3. Báo cáo trung thực kết quả đánh giá với cơ quan có thẩm quyền.

4. Bảo mật các thông tin liên quan đến bí mật của cơ sở được đánh giá, tuân thủ mọi quy định của Pháp luật hiện hành.

5. Được phép phỏng vấn, yêu cầu cho xem xét sổ sách, tài liệu, hồ sơ liên quan đến cơ sở; thu thập, ghi chép các thông tin cần thiết, yêu cầu thực hiện các công việc chuyên môn và cung cấp các bằng chứng phục vụ hoạt động đánh giá.

## Chương VI
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 23. Quy định chuyển tiếp**

1. Các cơ sở đang hoạt động sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực đã được cấp Chứng chỉ hành nghề sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật thì làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của Thông tư này.

Đối với cơ sở đạt loại A theo quy định của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vòng một (01) năm tính đến thời điểm nộp đơn, thì làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 13 hoặc khoản 1, 2 Điều 14 của Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không thành lập đoàn đánh giá tại thực địa.

2. Thời gian thực hiện khoản 1 Điều này trong vòng 02 (hai) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2013.

Bãi bỏ Điều 5 của Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Quyết Định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

Cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các cơ sở sản xuất; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Bá Bổng**

**Phụ lục I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật/**
**hoặc Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh**

1. Đơn vị chủ quản:

.....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:..... Email: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:..... Email: .....

***Đề nghị Quý cơ quan***

| | |
|---|---|
| ☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện | ☐ Sản xuất<br>☐ Buôn bán |
| ☐ Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện | ☐ Sản xuất<br>☐ Buôn bán |
| ☐ Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện | ☐ Sản xuất<br>☐ Buôn bán |
| Lý do: ☐ Mất/thất lạc ☐ Hư hỏng | ☐ Sai sót ☐ Thay đổi |

Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

.....

Chúng tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

*....., ngày..... tháng.....năm.....*

**Xác nhận của chính quyền địa phương:**
.....
.....

**(Ghi rõ đồng ý hay không đồng ý)**
- Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:
.....
.....
- Địa điểm kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (nằm ngoài khu công nghiệp):
.....
.....

**(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)**

**Đại diện cơ sở**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**Phụ lục II**
**MẪU TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT**
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**

## I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
2. Tên cơ sở: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
3. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....
4. Chứng chỉ hành nghề, số Giấy chứng chỉ hành nghề, ngày cấp, cơ quan cấp, người được cấp:.....
5. Loại hình sản xuất:

☐ DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài
☐ DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN cổ phần
☐ DN tư nhân ☐ Khác .....
*(ghi rõ loại hình)*

6. Loại hình hoạt động:

☐ Sản xuất ☐ Gia công
☐ Sang chai, đóng gói

7. Dạng thuốc bảo vệ thực vật

☐ Thuốc kỹ thuật(TC) ☐ Bả ☐ Viên ☐ Lỏng ☐ Gel ☐ Bột
☐ Hạt ☐ Gas ☐ Mỡ ☐ Sơn ☐ Nhão
☐ Dạng khác (liệt kê).....
8. Công suất thiết kế: .....

## II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng, trang thiết bị (có sơ đồ kèm theo)

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất: ..... $m^2$ , trong đó:
  + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: ..... $m^2$
  + Khu vực sản xuất ..... $m^2$
  + Khu vực đóng gói thành phẩm: ..... $m^2$
  + Khu vực kho bảo quản thành phẩm: ..... $m^2$
  + Khu vực sản xuất khác: ..... $m^2$

2. Quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai đóng gói thuốc BVTV:.....
.....

3. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung
.....

4. Trang thiết bị chính:

| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |

5. Hệ thống phụ trợ:.....

6. Nhân lực

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Nam/ Nữ | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Chức vụ, chức danh | Những khóa đào tạo đã tham gia | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |

(Bao gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.)

7. Nguồn nước:
☐ Nước công cộng ☐ Nước giếng khoan

8. Hệ thống xử lý chất thải:
- Nước thải: ☐ Có ☐ Không
- Khí thải: ☐ Có ☐ Không
- Chất thải rắn: Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý: .....
.....

9. Trang thiết bị bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ: .....

10. Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng (ISO,....): .....

11. Phòng thử nghiệm: ☐ Có ☐ Không
- Nếu có, nêu các chỉ tiêu có thể phân tích: .....
- Nếu không, nêu tên những đơn vị phân tích cơ sở có hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm: .....

12. Những thông tin khác
.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT**
*(Ký tên - đóng dấu nếu có)*

**Phụ lục III**
**MẪU TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh .....**

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**
1. Đơn vị chủ quản: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
2. Tên cơ sở: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
3. Loại hình kinh doanh

☐ DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài
☐ DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần
☐ DN tư nhân ☐ Khác .....
*(ghi rõ loại hình)*

4. Năm bắt đầu hoạt động:
.....
5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh:
.....
6. Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV, số Giấy Chứng chỉ hành nghề, ngày cấp, cơ quan cấp, người được cấp:
.....

**II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**
- Diện tích cửa hàng: .... $m^2$
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: ..... $m^2$ hoặc ..... Tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:
.....
- Nhân lực: số lượng, trình độ chuyên môn
- Những thông tin khác:
.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**
*(Ký tên - đóng dấu nếu có)*

**Phụ lục IV**
**MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| | |
|---|---|
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN<br>**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:/..... | ..... *,ngày.... tháng.... năm 20...* |

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ**
**ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Hôm nay ngày..... tại .....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
Chúng tôi gồm:

**Đại diện Đoàn đánh giá:**

1. Ông/Bà:..... , Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:..... , Chức vụ: .....
3. Ông/Bà:..... , Chức vụ: .....

**Đại diện cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:**

1. Ông/Bà:..... , Chức vụ: .....
2. Ông/Bà:..... , Chức vụ: .....

*- Căn cứ vào Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001 và Điều lệ về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;*
*- Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.;*
*- Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BNNPTNT ngày....tháng.....năm 20.. của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện trình tự, thủ tục chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật;*
*- Căn cứ Quyết định số.....ngày..... của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc thành lập Đoàn đánh giá.*

**Tiến hành đánh giá điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở**

**1. Tên cơ sở sản xuất được đánh giá:** .....

.....

**2. Địa điểm sản xuất:** .....

**3. Ngày thành lập:** .....

**4. Loại hình**

☐ Sản xuất ☐ Gia công

☐ Sang chai, đóng gói ☐ Các loại khác .....

**5. Số lượng sản phẩm đã được cấp phép lưu hành:** ..... sản phẩm

***Trong đó:***

- Số lượng sản phẩm hiện đang sản xuất, lưu hành: ..... sản phẩm
- Số lượng sản phẩm không sản xuất: ..... sản phẩm

**6. Kết quả đánh giá:**.....

**7. Kiến nghị của Đoàn đánh giá:** .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**8. Kết luận của Đoàn đánh giá:** .....

.....

.....

.....

.....

**9. Ý kiến của cơ sở:**.....

.....

.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**<br>*(Ký tên, đóng dấu nếu có)* | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ** |
|---|---|

**Phụ lục V**
**MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| | |
|---|---|
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN<br>**CHI CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:/..... | ..... , *ngày.... tháng.... năm 20.....* |

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Hôm nay ngày..... tại .....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại: ..... Fax:..... Email:.....

Chúng tôi gồm:

**Đại diện Đoàn đánh giá:**

1. Ông/Bà:..... , Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:..... , Chức vụ:.....

**Đại diện cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:**

1. Ông/Bà:..... , Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:..... , Chức vụ:.....

*- Căn cứ vào Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001 và Điều lệ về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;*

*- Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.;*

*- Căn cứ Thông tư số...../20.../TT-BNNPTNT ngày....tháng.....năm 20.. của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự, thủ tục chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật;*

*- Căn cứ Quyết định số.....ngày..... của Chi Cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật ..... về việc thành lập Đoàn đánh giá.*

**Tiến hành đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở**

**1. Kết quả đánh giá:** .....

**2. Kết luận của Đoàn đánh giá:** .....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

**3. Kiến nghị của Đoàn đánh giá:** .....
.....
.....
.....

**4. Ý kiến của cơ sở:** .....
.....
.....
.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**<br>*(Ký tên, đóng dấu nếu có)* | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ** |
|---|---|

**Phụ lục VI**
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| | |
|---|---|
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN<br>**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: .....

Tên cơ sở: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....

Tên đơn vị chủ quản:
.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....

Được công nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đối với các dạng (*)
.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày..... tháng.... năm.....

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*
**CỤC TRƯỞNG**

*Ghi chú: (*) Ghi rõ dạng thuốc bảo vệ thực vật*

**Phụ lục VII**
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| | |
|---|---|
| SỞ NÔNG NGHIỆP<br>VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN<br>**CHI CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số:.....

Tên cơ sở: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Tên đơn vị chủ quản:
.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Hoặc
Chủ cơ sở: .....
Số chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
Địa chỉ thường trú:.....

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày..... tháng..... năm.....

*....., ngày..... tháng..... năm.....*
**CHI CỤC TRƯỞNG**